

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

29/03/2014

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	340923	Trần Quang Hiếu	3409	5	17	12	12	60	220	270	490	8.5
2	341117	Trần Văn Dương	3411	10	18	13	14	38	280	140	420	
3	342103	Chu Thị Huệ	3421	9	19	15	9	37	260	130	390	
4	340811	Hà Mạnh Trung	3408	6	12	16	14	36	240	125	365	
5	340924	Nguyễn Diệu Linh	3409	5	11	10	13	39	180	145	325	
6	342606	Hoàng Hải Thanh	3426	4	13	7	8	39	140	145	285	
7	340230	Trần Thị Hoà	3402	6	9	13	12	27	185	70	255	
8	342549	Nguyễn Bá Dũng	3425	7	17	13	12		245		245	
9	341544	Tống Chí Cường	3415	6	12	10	9	24	170	50	220	
10	341026	Hoàng Thị Hồng Ngân	3410	4	7	5	13	26	125	65	190	
11	340253	Cao Xuân Trường	3402									
12	342117	Nguyễn Thị Hương	3421									
13	342463	Đoàn Thu Trang	3424									
14	352120	Đỗ Thị Nhung	3521	10	17	17	26	92	380	465	845	10.0
15	352513	Đỗ Uyển Chi	3525	9	28	24	21	80	450	395	845	10.0
16	350762	Phạm Linh Trang	3507	6	20	21	17	70	340	335	675	10.0
17	350408	Bùi Thị Hiền	3504	7	23	23	20	60	395	270	665	10.0
18	352162	Nguyễn Thu Trang	3521	9	17	18	18	70	325	335	660	10.0
19	352562	Nguyễn Minh Quang	3525	10	14	17	22	68	330	325	655	10.0
20	350711	Lê Minh Chi	3507	7	21	19	19	64	350	300	650	10.0
21	352253	Phạm Minh Trà	3522	9	15	9	13	87	220	430	650	10.0
22	352507	Vũ Xuân Minh	3525	8	18	15	18	66	310	310	620	10.0
23	352119	Nguyễn Thị Bích Diệp	3521	6	15	16	13	74	250	360	610	10.0
24	352633	Vương Thị Huyền Trang	3526	6	14	16	20	67	290	320	610	10.0
25	351357	Nguyễn Hồng Minh	3513	9	20	16	15	63	315	290	605	10.0
26	352232	Đặng Thuỳ Linh	3522	5	11	11	17	80	210	395	605	10.0
27	350166	Hoàng Văn Thịnh	3501	6	18	16	7	76	230	370	600	10.0
28	350962	Trần Ngọc Minh	3509	9	24	16	16	57	345	255	600	10.0
29	350338	Lê Diệu Linh	3503	7	20	23	12	59	325	265	590	10.0
30	351507	Đoàn Thị Hoa	3515	8	20	22	19	49	370	210	580	10.0
31	352631	Nguyễn Thị Lan Anh	3526	5	15	13	16	68	245	325	570	9.5
32	351720	Trần Thị Phương Thuý	3517	10	20	17	13	56	315	250	565	9.5
33	350347	Hà Thị Kim Liên	3503	8	21	12	14	61	280	280	560	9.5
34	351367	Hoàng Thị Mộng Trinh	3513	7	14	11	20	63	260	290	550	9.5
35	352206	Cáp Mai Ngọc	3522	8	18	22	13	53	320	230	550	9.5
36	352002	Nguyễn Lê Quang	3520	7	10	7	11	78	160	385	545	9.5
37	352214	Nguyễn Thuỳ Trang	3522	6	20	16	10	62	260	285	545	9.5
38	352056	Nguyễn Thúy Vi	3520	7	14	12	17	62	250	285	535	9.5
39	351263	Phan Thị Hạnh Ngân	3512	8	16	17	16	53	295	230	525	9.0
40	351264	Ngô Thị Hạnh	3512	6	15	14	12	63	230	290	520	9.0
41	351431	Lư Ngọc Lan	3514	8	22	19	16	44	345	175	520	9.0
42	351707	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	3517	7	22	21	16	43	350	170	520	9.0
43	352536	Đỗ Thái Hà	3525	6	25	17	13	44	320	175	495	8.5
44	352558	Trần Hương Liên	3525	8	24	23	15	32	380	100	480	8.5
45	351828	Nguyễn Thị Huyền	3518	3	15	12	16	57	220	255	475	8.5
46	350867	Thắm Thuý Hoà	3508	7	13	16	20	45	290	180	470	8.0
47	352046	Đinh Thị Thanh Tâm	3520	7	16	12	11	56	220	250	470	8.0
48	352312	Vũ Thanh Tâm	3523	6	16	18	3	60	200	270	470	8.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

29/03/2014

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	351701	Trần Mạnh Thắng	3517	6	24	20	10	40	315	150	465	8.0
50	352156	Nguyễn Thư Hiền	3521	8	16	12	15	49	255	210	465	8.0
51	350834	Nguyễn Thị Thu Hà	3508	6	19	12	10	53	230	230	460	8.0
52	352449	Cao Thị Oanh	3524	4	13	19	12	51	240	220	460	8.0
53	352612	Đoàn Đức Hòa	3526	6	22	13	7	51	240	220	460	8.0
54	352505	Trần Thị Việt Nga	3525	7	11	10	14	58	195	260	455	8.0
55	350340	Hoàng Thị Minh Nhâm	3503	8	17	14	17	40	290	150	440	
56	351831	Trần Thị Phương	3518	6	12	16	14	48	240	200	440	
57	350225	Đặng Thị Huyền	3502	4	8	10	18	56	185	250	435	
58	352510	Đàm Thị Thương	3525	9	18	15	6	47	240	195	435	
59	351326	Chu Tùng Anh	3513		14	11	11	59	165	265	430	
60	352112	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	3521	5	17	13	10	50	215	215	430	
61	352404	Bùi Thị Thu Huyền	3524	10	15	14	13	42	260	165	425	
62	351262	Phạm Thu Hiền	3512	5	16	16	17	39	275	145	420	
63	351601	Nguyễn Phúc Anh	3516	2	15	12	17	48	220	200	420	
64	351911	Nguyễn Mạnh Thắng	3519	6	20	17	11	39	275	145	420	
65	352065	Nguyễn Thị Tới	3520	4	10	10	11	58	160	260	420	
66	352324	Trần Thị Thanh Mai	3523	7	9	15	10	52	190	225	415	
67	351343	Tạ Thị Ngọc ánh	3509	4	17	13	9	49	200	210	410	
68	352107	Bùi Tuấn Cường	3521	6	18	12	12	43	240	170	410	
69	350407	Bùi Thị Hoà	3504	5	15	9	15	47	210	195	405	
70	350866	Đỗ Thị Duyên	3508	7	10	11	11	52	180	225	405	
71	352414	Đỗ Lan Hương	3524	3	17	20	12	39	260	145	405	
72	351558	Nguyễn Bích Ngọc	3515	7	18	13	9	43	230	170	400	
73	351947	Trần Thị Hồng Nhung	3519	4	15	11	18	41	240	160	400	
74	352643	Vũ Văn Nam	3526	6	16	11	14	43	230	170	400	
75	350218	Phan Thị Bích	3502	6	16	13	14	40	245	150	395	
76	350231	Nguyễn Thị Hà	3502	5	13	15	10	47	200	195	395	
77	351237	Nguyễn Thị Thanh Trà	3512	9	9	15	14	41	230	160	390	
78	350613	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	3506	5	18	12	15	37	250	130	380	
79	350729	Dương Thị Mỹ Lệ	3507	4	14	12	13	45	200	180	380	
80	350922	Nguyễn Văn Thử	3509	6	10	11	13	46	185	190	375	
81	351136	Lý Thị Hoa	3511	6	19	12	15	34	260	115	375	
82	350366	Trịnh Thị Khánh Ly	3503	5	13	14	14	40	220	150	370	
83	352026	Phạm Ba Đô	3520	6	13	10	14	42	200	165	365	
84	350327	Nguyễn Thị Trang	3503	6	11	15	14	38	220	140	360	
85	350533	Vũ Thị Huế	3505	4	16	10	14	39	210	145	355	
86	352009	Lê Thị Khánh Huyền	3520	4	14	15	7	43	185	170	355	
87	352625	Đặng Thị Thu	3526		14	14	12	43	185	170	355	
88	351165	Phạm Minh Châu	3511	7	13	15	16	31	255	95	350	
89	352445	Phạm Thuỳ Linh	3524	5	14	13	14	37	220	130	350	
90	352407	Ninh Văn Sinh	3524	7	15	9	14	37	215	130	345	
91	351106	Trần Thuỳ Dương	3511		12	15	14	40	190	150	340	
92	351349	Nguyễn Thị Hồng Thao	3513	2	12	16	12	39	195	145	340	
93	351756	Trần Bích Thủy	3517	7	13	10	6	44	165	175	340	
94	350199	Đoàn Quang	3501	9	28	25	1	2	330	5	335	
95	350332	Ngô Thị Huế	3503	6	14	9	13	38	195	140	335	
96	351308	Bùi Thị Thu Trang	3513	4	14	7	15	39	185	145	330	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

29/03/2014

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	352224	Nguyễn Thị Tuyết	3522		14	16	13	36	200	125	325	
98	351740	Hoàng Tuấn Vũ	3517	3	16	11	4	43	150	170	320	
99	352211	Nguyễn Thị Thanh Mai	3522	3	15	6	9	44	145	175	320	
100	350728	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	3507	6	14	9	9	38	175	140	315	
101	352446	Dương Thị Kiều Oanh	3524	3	15	6	16	36	185	125	310	
102	351442	Đào Hoàng Oanh	3514	6	16	10	12	29	210	85	295	
103	351708	Đặng Thị Hải Yến	3517	8	15	6	8	36	170	125	295	
104	352629	Nguyễn Thị Nhiên	3526	4	11	8	11	39	150	145	295	
105	351267	Lê Thị Ngọc	3512	5	11	12	13	32	190	100	290	
106	350525	Vũ Thị Hiệp	3505	6	14	10	16	25	220	60	280	
107	351562	Trần Thị Ngọc Thu	3515	7	10	14	10	30	190	90	280	
108	350415	Vũ Thị Thảo	3504	5	11	8	8	36	140	125	265	
109	352244	Nguyễn Thị Thương	3522		10	8	13	37	135	130	265	
110	351647	Trần Trung Hiếu	3516	7	16	15	10	18	240	20	260	
111	352304	Đặng Thị Quỳnh Lê	3523	4	16	10	8	28	175	80	255	
112	350229	Vương Thị Lan Anh	3502	4	14	8	9	28	160	80	240	
113	350451	Bùi Trần Thị Minh Hà	3504	3	11	10	8	32	140	100	240	
114	350836	Hoàng Thị Thắm	3508	2	15	6	9	31	140	95	235	
115	350405	Phạm Quang Thành	3504	4	14	9	10	25	170	60	230	
116	350532	Nguyễn Thị Hiền	3505	4	11	8	12	26	160	65	225	
117	HS33B050	Đặng Thế Anh	3501	5	12	8	15	21	185	35	220	
118	352028	Nguyễn Anh Dũng	3520	8	13	9	9	22	180	40	220	
119	350516	Nguyễn Nhật Anh	3505	3	16	10	7	24	165	50	215	
120	352055	Nguyễn Tuấn Anh	3520		6	2		30	15	90	105	
121	350817	Phùng Tuyết Chinh	3508									
122	350948	Dương Thị Hoài Thanh	3509									
123	351232	Nguyễn Thị Trà Mi	3512									
124	351249	Lý Thu Trang	3512									
125	351348	Nguyễn Khoa Kiều Tâm	3513									
126	351820	Nguyễn Thị Thu Thảo	3518									
127	352108	Đỗ Thị Thuý Anh	3521									
128	352146	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	3521									
129	352147	Trần Linh Chi	3521									
130	352160	Nguyễn Phương Thuý	3521									
131	352661	Phạm Thúy Ngân	3526									
132	360438	Triệu Duy Thái	3604	8	22	20	13	63	330	290	620	10.0
133	360660	Nguyễn Bích Trường Giang	3606	7	19	20	15	51	320	220	540	9.5
134	361722	Nguyễn Thị Hương Giang	3617	9	13	12		69	150	330	480	8.5
135	362337	Nguyễn Hiền Giang	3623	2	18	10	13	28	200	80	280	
136	361721	Võ Thị Phúc	3617	3	11	10	11	28	160	80	240	
137	360320	Nguyễn Thị Oanh	3603	6	15	7	6	23	150	45	195	
138	361936	Nguyễn Thị Hường	3619	2	7	5	5	33	70	110	180	
139	362033	Đoàn Ngọc Anh	3620									
140	362346	Nguyễn Minh Phương	3623									
141	362347	Lê Thị Vân	3623									
142	362349	Nguyễn Ngọc Khánh	3623									
143	362362	Nguyễn Thị Thu	3623									
144	362368	Lương Thị Hà Phương	3623									

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : 29/03/2014

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
145	370768	Ngô Mai Thủy	3707	8	27	24	22	66	445	310	755	10.0
146	371812	Nguyễn Ngọc Linh	3718	7	18	16	15	64	290	300	590	10.0
147	372846	Văn Thị Quỳnh Anh	3728	7	20	21	18	55	350	240	590	10.0
148	372810	Vũ Vương Tuấn	3728	7	21	16	10	45	275	180	455	8.0
149	372829	Vũ Thị Mỹ Duyên	3728	4	17	12	15	48	240	200	440	
150	372334	Ngô Hà Vinh	3723	4	18	14	6	49	195	210	405	
151	372816	Hoàng Vương Yến	3728	6	14	10	12	46	195	190	385	
152	370468	Nguyễn Thị Mai Linh	3704									
153	371574	Phạm Minh Hoàng	3715									
154	381449	Nguyễn Thu Nga	3814	1	9	7	6		90		90	
155	382375	Đặng Nhật Trường	3823									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2014

TRUNG TÂM TIN HỌC

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU